

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC

NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT CƠ KHÍ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Mã số: DH2017-TN08-10

Chủ nhiệm đề tài: T.S. Ma Thị Hương

Thái Nguyên, tháng 6/2019

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn
	PGS.TS Trần Đình Tuấn	Trưởng khoa Kế toán - Trường ĐHK&QTKD
	NCS. Đàm Phương Lan	Phó trưởng khoa Kế toán - Trường ĐHK&QTKD
	TS. Nguyễn T. Lan Anh	Trưởng bộ môn Kế toán tổng hợp - Trường ĐHK&QTKD
	NCS. Thái T. Thái Nguyên	Phó trưởng BM Kế toán DN - Trường ĐHK&QTKD
	TS. Đỗ T. Thu Hằng	Tưởng BM Hệ thống TTKT - Trường ĐHK&QTKD
	NCS. Trần T. Ngọc Linh	Giảng viên khoa Kế toán - Trường ĐHK&QTKD
	TS. Trần Thị Nhung	Giảng viên khoa Kế toán - Trường ĐHK&QTKD
	Th.S Bạch Thị Huyền	Giảng viên khoa Kế toán - Trường ĐHK&QTKD
	Th.S Dương Thị Hương Liên	Giảng viên khoa Kế toán - Trường ĐHK&QTKD

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị
1. Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công	Cung cấp số liệu thực tế và phản hồi phiếu điều tra	Ông Nguyễn Văn Đường
2. Công ty CP Cơ khí 3/2	Cung cấp số liệu thực tế và phản hồi phiếu điều tra	Ông Nguyễn Văn Chiến
3. Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Tư vấn, trao đổi chuyên môn	PGS.TS. Nguyễn Thị Lờ

MỤC LỤC

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI.....	i
MỤC LỤC.....	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC HÌNH.....	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC.....	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	vi
RESEARCH RESULTS INFORMATION.....	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	2
5. Cách tiếp cận và câu hỏi nghiên cứu	2
6. Phương pháp nghiên cứu.....	3
7. Kết cấu của đề tài	3
Chương 1.....	4
HỆ THỐNG HOÁ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	4
1.1 Khái niệm và bản chất mô hình kế toán quản trị chi phí.....	4
1.1.1 Khái quát về mô hình kế toán quản trị chi phí	4
1.1.2 Bản chất mô hình kế toán quản trị chi phí	4
1.2 Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí	4
1.2.1 Yêu cầu xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí	4
1.2.2 Nguyên tắc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí	4
1.3. Mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp	4
1.3.1 Mô hình bộ máy kế toán quản trị chi phí.....	4

<i>1.3.2. Công nghệ sản xuất thông tin về chi phí</i>	4
1.4 Kinh nghiệm vận dụng mô hình kế toán quản trị chi phí của các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam	4
<i>1.4.1 Khái quát chung về vận dụng mô hình kế toán quản trị chi phí của một số nước trên thế giới</i>	4
<i>1.4.2 Một số bài học kinh nghiệm về vận dụng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp Việt Nam</i>	4
1.5. Các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu	4
<i>1.5.1. Lý thuyết bất định</i>	4
<i>1.5.2. Lý thuyết đại diện</i>	4
Chương 2	4
THỰC TRẠNG MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT CƠ KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN	4
2.1. Các đặc điểm của doanh nghiệp sản xuất cơ khí	4
<i>2.1.1. Sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp sản xuất cơ khí</i>	4
<i>2.1.2. Khái quát về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái nguyên</i>	4
2.2. Thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên	5
<i>2.2.1 Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí</i>	5
<i>2.2.2. Thực trạng sản xuất thông tin kế toán chi phí</i>	5
2.3 Đánh giá thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái nguyên	6
<i>2.3.1 Những kết quả đạt được và nguyên nhân</i>	6
<i>2.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân</i>	6
Chương 3	7
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ CHO CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT CƠ KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN	7
3.1. Chiến lược phát triển ngành sản xuất cơ khí	7

3.2. Hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên	7
<i>3.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán</i>	7
<i>3.2.2. Công nghệ sản xuất thông tin kế toán quản trị chi phí</i>	8
3.3. Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên	14
3.4. Kiến nghị đối với các cơ quan chức năng liên quan đến việc triển khai ứng dụng mô hình	14
<i>3.4.1 Đối với Bộ Tài chính</i>	14
<i>3.4.2.Đối với hội kế toán Việt Nam</i>	14
KẾT LUẬN	15

DANH MỤC BẢNG**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

STT	Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
1.	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2.	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3.	BHYT	Bảo hiểm y tế
4.	CP NLVL TT	Chi phí Nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
5.	CP SXC	Chi phí sản xuất chung
6.	CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
7.	DN	Doanh nghiệp
8.	DNSXCK	Doanh nghiệp sản xuất cơ khí
9.	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
10.	KTQTCP	Kế toán quản trị chi phí
11.	SXKD	Sản xuất kinh doanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: Nghiên cứu mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Mã số: ĐH2017-TN08-09
- Chủ nhiệm đề tài: TS. Ma Thị Hương
- Tổ chức chủ trì: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018)

2. Mục tiêu

* Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

* Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp.
- Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, xác định nguyên nhân của các hạn chế.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Tính mới và sáng tạo

Đề tài đã tiến hành khảo sát thực trạng mô hình kế toán quản trị sản xuất tại 129 doanh nghiệp sản xuất cơ khí điển hình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thông qua 2 nhóm đối tượng là cán bộ quản lý và kế toán trưởng tại các doanh nghiệp. Từ đó phân tích, đánh giá thực trạng mô hình kế toán quản trị sản xuất tại doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đề tài đề xuất những giải pháp hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với các quy định hiện hành và thông lệ quốc tế.

4. Kết quả nghiên cứu

- Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Đề tài đã mô tả được thực trạng mô hình kế toán quản trị **chi phí** sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Qua việc đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân, đề tài đã đề xuất những giải pháp hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với các quy định hiện hành và thông lệ quốc tế.

5. Sản phẩm

Sản phẩm khoa học:

03 Bài báo đăng trên tạp chí trong nước :

+ Bài báo số 01: “Hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thực tế tại công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công” Tạp chí Châu Á - Thái Bình Dương; Số 497, tháng 7/2017, tr 42- 45.

+ Bài báo số 02: “Phương pháp xác định chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí hiện nay”, Tạp chí Tài chính; ISSN ISSN-2615-8973 , số 705, kỳ 2, tháng 5/2019, tr 111 - 113

+ Bài báo số 03: “Thực trạng phân loại chi phí dưới góc nhìn của kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên”, Tạp chí Kế toán, Kiểm toán; ISSN ISSN- 1859 - 1924, Kì 2, tháng 6/2019

01 bài đăng trên Kỷ yếu Quốc tế “ Kế toán Việt Nam - Tương lai và triển vọng”

+ Tên bài đăng: “ Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” Tháng 5/2019; ISBN 978 - 604 -79 -2092 - 1, tr 178 -180

Sản phẩm đào tạo:

01 Khóa Luận SV K16V- KTTH: “ Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty Cổ phần cơ khí 3- 2”, tác giả: Phùng Thị Duyên, bảo vệ tháng 4/2018, đạt loại Giỏi.

Sản phẩm ứng dụng

01 Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu “Nghiên cứu mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên”

01 Báo cáo tóm tắt đề tài nghiên cứu “Nghiên cứu mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên”

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

Chuyển giao cho tổ chức chủ trì để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho việc học tập và nghiên cứu môn học Kế toán quản trị và các môn học khác của các chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kế toán doanh nghiệp và Kế toán, Kiểm toán.

Kết quả nghiên cứu cũng được chuyển giao cho lãnh đạo, kế toán các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để làm tài liệu tham khảo trong việc xây dựng và hoàn thiện mô hình kế toán quản trị sản xuất của doanh nghiệp.

Ngày 30 tháng 05 năm 2019

Tổ chức chủ trì

(ký, họ và tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

Ma Thị Hương

THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF ECONOMICS AND BUSINESS ADMINISTRATION
RESEARCH RESULTS INFORMATION

1. General information

- Project title: *Study the accounting model of production cost management in mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province*
- Code: ĐH2017-TN08- 09
- Project manager: Dr. Ma Thi Huong
- Host organization: University of Economics and Business Administration
- Implementation time: 24 months (from from January 2017 to December 2018)

2. Objectives*** General goals**

The general objective of the study is to assess the situation and propose solutions to complete the accounting model of production cost management in the mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province.

*** Detail goals**

- Systematizing theoretical and practical issues of production cost management accounting model in enterprises.
- Studying and assessing the status of cost management accounting model in the mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province. From there, determine the cause of the restrictions.
- Proposing solutions to improve cost management accounting model in mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province.

3. Newness and creativity

The study has surveyed the status the model management accounting production at 85 enterprises producing typical mechanical enterprises in Thai Nguyen province through 2 groups of respondents: managers and chief accountants. From there, analyzing and evaluating the status of production management accounting model of mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province. The research proposed solutions to improve the accounting model of production cost management in mechanical manufacturing enterprises in accordance with current regulations and international practices.

4. Research results

- The study systematized theoretical and practical issues of production cost management accounting model in enterprises.
- The study assessed the status of cost management accounting model in mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province. From there, determine the cause of the restrictions.
- The study proposed solutions to improve cost management accounting model in mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province.

5. Product

Scientific products: 03 papers published in domestic magazines

+ Paper 01: "Accounting information system in mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province. Reality at a state-owned limited liability company Diesen Song Cong "Asia-Pacific Magazine; No. 497, July 2017, page 42-45

+ Paper. 02: "Method of determining production costs in the current mechanical manufacturing enterprises", Finance Magazine; ISSN ISSN-2615-8973, Number 705, Period 2, May 2019, page 111 -113

+ Paper 03: "Situation of cost classification under the perspective of management accounting in mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province", Finance Magazine; ISSN ISSN-2615-8973, Period 2, June 2019

+ Paper in the International Proceedings "Vietnamese Accounting - Future and Prospects" - Building a model of organizational structure of management accounting costs in the mechanical manufacturing enterprises in the province of Thai Nguyen " May 5, 2019; ISBN 978 - 604 -79 - 2092 -1, page178 -180

Training products: 01 Topic of Research student K16V - KTTH: "Accounting management cost of production in Mechanical 2-3 JTC ", Student name: Phung Thi Duyen, defended in April 2018, Good grade level.

Product application:

01 main report of study

01 summarizing report of study

6. Transfer method, application address, impact and benefits of research results

As a reference for learning subjects Management Accounting and other subjects of other majors: General Accounting, Corporate Accounting and Accounting, Auditing.

The research results would be transferred to the Board of Directors and accountants of the mechanical manufacturing enterprises in Thai Nguyen province as a reference in developing and completing the production management accounting model.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sản xuất luôn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của bất cứ quốc gia nào. Nó là điều kiện sống còn cho sự phát triển của xã hội. Sản xuất công nghiệp nói chung và sản xuất cơ khí nói riêng là động lực thúc đẩy cho nền sản xuất không ngừng lớn mạnh. Đối với Việt Nam, đất nước đang trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá thì sản xuất cơ khí là ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò và vị trí rất quan trọng. Tuy nhiên, cùng với các ngành nghề khác trong môi trường hội nhập quốc tế sâu sắc như hiện nay, sản xuất cơ khí cũng gặp không ít những khó khăn trở ngại trong việc tìm ra hướng phát triển của ngành. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển ngành Cơ khí cho thấy các chỉ tiêu còn hầu như chưa đạt. Năm 2013, ngành cơ khí mới chỉ đáp ứng được khoảng 34,5% nhu cầu cơ khí cả nước, không hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược. Các doanh nghiệp cơ khí nhà nước chậm đổi mới, các doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ. Việc đầu tư trong ngành còn ít và mang tính chất phân tán, khép kín trong từng doanh nghiệp; thiếu sự phối hợp, phân công lao động giữa các doanh nghiệp trong ngành, chưa chủ động tham gia hợp tác, hội nhập quốc tế; tính chuyên môn hóa trong sản xuất thấp dẫn đến chất lượng sản phẩm còn hạn chế, chi phí sản xuất cao, khả năng cạnh tranh thấp. Đứng trước thực tế như trên, mỗi doanh nghiệp cần phải có những biện pháp mạnh mẽ để có thể tăng khả năng cạnh tranh và phát triển được trên thị trường. Đối với doanh nghiệp sản xuất nói chung và sản xuất cơ khí nói riêng thì việc tiết kiệm được chi phí đầu vào và hạ giá thành sản phẩm cũng là điểm then chốt trong chiến lược cạnh tranh. Việc sử dụng các công cụ hữu hiệu trong kế toán nhằm giúp cho việc quản lý chi phí và giá thành sản phẩm thực sự là cần thiết và vô cùng ý nghĩa. Một mô hình Kế toán quản trị chi phí phù hợp không chỉ giải quyết vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi mà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán, tạo cơ sở để tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán, thực hiện tốt nhất vai trò cung cấp thông tin nói chung và thông tin về chi phí nói riêng cho Nhà quản lý. Thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt ngày 26/12/2002, cùng với việc thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 xây dựng Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại là trung tâm của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc về phát triển công nghiệp, dịch vụ, dịch vụ giáo dục - đào tạo, cơ cấu kinh tế hiện đại, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững, tỉnh Thái Nguyên luôn có những định hướng để phát triển sản xuất cơ khí trên địa bàn.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng Mô hình Kế toán quản trị chi phí đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất cơ khí nói riêng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đồng thời, từ việc tìm hiểu các nghiên cứu trước, tác giả nhận thấy đề tài "**Nghiên cứu mô hình Kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên**" mang tính cấp thiết và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần sử dụng hiệu quả thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tiêu chung

Trên cơ sở đánh giá thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đề tài đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất đối với các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về mô hình Kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Phân tích, đánh giá thực trạng và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DN sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DN sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kinh nghiệm xây dựng mô hình của các quốc gia trên thế giới và tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới việc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: Lý luận cơ bản về Mô hình Kế toán quản trị trong DN. Kinh nghiệm xây dựng mô hình kế toán quản trị tại một số nước trên thế giới.

Thực trạng Mô hình Kế toán quản trị tại các **DN gia công khí và tráng phủ kim loại các doanh nghiệp rèn rập và cán kim loại** trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Về mặt không gian: Các DN sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Về mặt thời gian: Nghiên cứu từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018.

4. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

4.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước

4.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu nước ngoài

4.3. Khoảng trống nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của đề tài

Thông qua tổng quan tài liệu nghiên cứu, tác giả nhận thấy một số vấn đề như sau:

1. Không có một mô hình Kế toán quản trị nào có thể phù hợp cho mọi loại hình doanh nghiệp, vì vậy nghiên cứu về Kế toán quản trị vận dụng cho mỗi ngành có những đặc thù riêng là một đòi hỏi mang tính cấp thiết cao, đáp ứng cho nhu cầu của thực tiễn.

2. Ngày càng có nhiều phương pháp Kế toán quản trị hiện đại và ưu việt, mỗi phương pháp phù hợp với những trình độ phát triển của từng doanh nghiệp, từng ngành nghề khác nhau, đòi hỏi có những nghiên cứu cụ thể để có thể áp dụng một cách khoa học và hiệu quả.

3. Chưa có tác giả nào nghiên cứu đi sâu về Kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất ngành cơ khí, trong khi các doanh nghiệp này có sự khác biệt rất lớn với các ngành sản xuất khác về chu kỳ sống của sản phẩm về tỷ trọng các loại chi phí trong giá thành sản xuất... Việc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí phù hợp là rất quan trọng, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay và vai trò của ngành sản xuất cơ khí đối với sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước.

5. Cách tiếp cận và câu hỏi nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

- Bước 1: Thông qua việc hệ thống hóa cơ sở lý luận về Mô hình Kế toán quản trị trong doanh nghiệp đề tài xác định các nội dung cần nghiên cứu tại các đơn vị thuộc đối tượng nghiên cứu

cứu

- Bước 2: Bắt nguồn từ những lý thuyết nền tảng trong nghiên cứu Kế toán quản trị xác định các nhân tố ảnh hưởng tới việc xây dựng mô hình kế toán quản trị

- Bước 3: Khảo sát và phân tích kế quả để tìm ra những nguyên nhân chính ảnh hưởng tới việc vận dụng mô hình kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Bước 4: Trên cơ sở phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện Mô hình Kế toán quản trị phù hợp với các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

5.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu 1: Thực trạng chất lượng thông tin mà các Mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cung cấp cho các nhà quản trị như thế nào?

Câu 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là gì?

Câu 3: Mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay cung cấp thông tin cho nhà quản trị như thế nào?

Câu 4: Để nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin của các mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện những giải pháp nào?

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp thu thập thông tin

6.1.1 Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp:

6.1.2 Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp:

6.1.2.1. Phương pháp chọn mẫu điều tra

6.1.2.2. Phương pháp thu thập thông tin

6.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin

6.3. Phương pháp phân tích và xử lý thông tin

6.3.1. Phương pháp thống kê mô tả

6.3.2. Phương pháp so sánh

6.3.3. Phương pháp tổng hợp ý kiến chuyên gia

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương

Chương 1: Hệ thống hoá cơ sở lý luận về mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện mô hình kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên

Chương 1

HỆ THỐNG HOÁ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm và bản chất mô hình kế toán quản trị chi phí

1.1.1 Khái quát về mô hình kế toán quản trị chi phí

Trên phương diện vai trò, chức năng của KTQT chi phí, nhóm tác giả cho rằng *Mô hình kế toán quản trị chi phí thể hiện khái quát hai yếu tố cấu thành gồm sự phối hợp giữa bộ máy nhân sự thực hiện kế toán quản trị chi phí và nội dung, quy trình cùng các phương pháp, kỹ thuật kế toán quản trị chi phí vận dụng nhằm thực hiện mục tiêu cung cấp thông tin chi phí cho các cấp quản trị nội bộ đơn vị.*

1.1.2 Bản chất mô hình kế toán quản trị chi phí

1.2 Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí

1.2.1 Yêu cầu xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí

1.2.2 Nguyên tắc xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí

1.3. Mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp

1.3.1 Mô hình bộ máy kế toán quản trị chi phí

1.3.2. *Công tác kế toán quản trị chi phí*

1.4 Kinh nghiệm vận dụng mô hình kế toán quản trị chi phí của các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam

1.4.1 Khái quát chung về vận dụng mô hình kế toán quản trị chi phí của một số nước trên thế giới

1.4.2 Một số bài học kinh nghiệm về vận dụng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp Việt Nam

1.5. Các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu

1.5.1. Lý thuyết bất định

1.5.2. Lý thuyết đại diện

Chương 2

THỰC TRẠNG MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT CƠ KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Các đặc điểm của doanh nghiệp sản xuất cơ khí

2.1.1. Sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp sản xuất cơ khí

2.1.2. Khái quát về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái nguyên

2.1.2.1 Những đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đặc điểm về sản phẩm

b. Đặc điểm về công nghệ

2.1.2.2 Đặc điểm về tổ chức bộ máy tổ quản lý của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái nguyên

a. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp

b. Cơ cấu, tổ chức bộ máy kế toán

2.2. Thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên

2.2.1 Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí

2.2.2.1 Thực trạng phân loại chi phí

(i) Theo kết quả khảo sát 100% doanh nghiệp phân loại chi phí theo sắp xếp trên BCTC bao gồm 2 nhóm:

(ii) *Phân loại theo mức độ hoạt động*: đã cung cấp thông tin chính xác giúp doanh nghiệp trong việc tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo tài chính.

(iii) *Phân loại chi phí theo đối tượng chịu chi phí*

2.2.2.2 Xây dựng định mức và lập dự toán

(i) *Xây dựng định mức*

(ii) *Lập dự toán*

2.2.2.3 Thực trạng xác định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

(i) *Đối tượng kế toán chi phí sản xuất*

(ii) *Đối tượng tính giá thành trong các DNSXCK*

(1) *Kế toán chi phí NVL*

(2) *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*:

(3) *Kế toán chi phí sản xuất chung*

(4) *Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

2.2.2.4 Thực trạng phân tích chi phí cho việc ra quyết định cho quản trị kinh doanh

(i) *Phân tích chi phí để kiểm soát chi phí*

(ii) *Thực trạng phân tích chi phí cho việc ra quyết định kinh doanh*

2.2.2.5 *Thực trạng sử dụng chi phí sản xuất bộ phận*

2.2.2.6 *Thực trạng sử dụng báo cáo kế toán quản trị chi phí*

2.3 Đánh giá thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

2.3.1 Những kết quả đạt được và nguyên nhân

Trên cơ sở nghiên cứu mô hình lý thuyết trong và ngoài nước, kết quả nghiên cứu thực nghiệm, thông qua điều tra khảo sát 2 nhóm đối tượng là lãnh đạo doanh nghiệp và kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán các doanh nghiệp tại 85 DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy chỉ có 05 DNSXCK chiếm 5,88% tổng số DNSXCK khảo sát có áp dụng mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất, hầu hết các DNSXCK (80 DNSXCK) được khảo sát chưa áp dụng mô hình kế toán quản trị chi phí chiếm 94,12% tổng số DNSXCK khảo sát chưa áp dụng mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất

Theo kết quả đánh giá mô hình kế toán quản trị tại 05 DNSXCK có đáp ứng nhu cầu của các nhà quản trị chi tiết theo dõi bảng 2.12 như sau:

Kết quả khảo sát cho thấy, về tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp ĐTB đạt 2,4 như vậy chưa đáp ứng yêu cầu của nhà quản trị trong quản trị chi phí sản xuất. Các tiêu chí phân loại chi phí sản xuất đạt ĐTB 2,8, phân tích chi phí sản xuất và lập dự toán chi đạt ĐTB 2,2 dưới mức bình thường, đặc biệt là tiêu chí kế toán trách nhiệm và đánh giá hiệu quả chi phí sản xuất ĐTB đạt 1,2 quá thấp so với yêu cầu của nhà quản trị

Nguyên nhân do, các DNSXCK có tổ chức KTQTCP, tuy nhiên nội dung các khâu công việc trong KTQTCP chưa đầy đủ mới chỉ chú trọng ở phân loại chi phí sản xuất, lập dự toán đơn giản, và phân tích chi phí mới tập trung vào phân tích chi phí NVL TT.

2.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân

Hầu hết các DNSXCK có tới 80 DNSXCK được khảo sát chưa áp dụng mô hình kế toán quản trị chi phí chiếm 94,12% tổng số DNSXCK khảo sát không sử dụng thông tin của kế toán tài chính để lập các báo cáo về chi phí sản xuất theo yêu cầu của nhà quản trị. Theo kết quả khảo sát đối tượng là lãnh đạo quản lý của các doanh nghiệp cho thấy 100% doanh nghiệp cho rằng do qui mô nhỏ và tốn kém chi phí nên chưa bố trí bộ máy KTQTCP, 72 DNSXCK cho rằng việc quản trị chi phí sản xuất theo kinh nghiệm chiếm 84,71% tổng số DNSXCK khảo sát. Chỉ có 8 DNSXCK trả lời do các lý do khác chiếm 5,29% tổng số DNSXCK khảo sát.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu sử dụng thông tin KTQTCP tại các doanh nghiệp như sau:

Kết quả trên cho thấy các DNSXCK được khảo sát đều xác định mức độ cần thiết của bộ phận KTQTCP đối với quản lý là rất cần thiết ĐTB là 4,43 ở mức rất cần thiết. Các khâu công việc của KTQTCP như phân loại chi phí SX, lập dự toán chi phí sản xuất, đánh giá hiệu quả, Báo cáo kế toán quản trị ĐTB đạt từ 4,24 đến 4,50 ở mức rất cần thiết. Chỉ có hai tiêu chí là phân tích chi phí và kế toán trách nhiệm các DNSXCK được khảo sát đánh giá mức độ cần thiết đối với yêu cầu quản lý là 3,39 và 3,96 ở mức cần thiết.

Như vậy, đa số các DNSXCK hiện nay chưa có mô hình KTQT do các lý do khác nhau nhưng đều xác định rõ mức độ cần thiết của thông tin KTQTCP đối với công tác quản lý đặc biệt ở các khâu: Phân loại chi phí, lập dự toán, đánh giá hiệu quả chi phí, và lập báo cáo KTQTCP

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔ HÌNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ CHO CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT CƠ KHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. Chiến lược phát triển ngành sản xuất cơ khí

Ngày 17/10/2003, Bộ Chính trị ban hành Kết luận 25-KL/TW về chiến lược phát triển ngành công nghiệp cơ khí Việt Nam với những quan điểm, đường lối cụ thể: “*Cơ khí là một ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội*” và “*phải xây dựng ngành Cơ khí để đủ sức cạnh tranh vươn lên trong cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế*”. Như vậy, doanh nghiệp sản xuất cơ khí là một trong những ngành có đóng góp rất lớn trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam và được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và chú trọng.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là xu thế công nghệ tất yếu mà Việt Nam phải hướng đến để theo kịp các nước phát triển trên thế giới với các công nghệ thông minh như: trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, tự động hoá, công nghệ in 3D và người máy. Cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho ngành cơ khí Việt Nam để tiếp cận được thông tin, tri thức, công nghệ tiên tiến, tạo ra được lực lượng lao động có trình độ cao, giúp tăng năng suất, tăng giá cả cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, cuộc cách mạng này cũng tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp sản xuất cơ khí trên thị trường hiện nay. Các doanh nghiệp sản xuất cơ khí hiện nay áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất sản phẩm cơ khí vẫn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, tính cạnh tranh của sản phẩm cơ khí không cao và chưa đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn công nghệ mới. Mặt khác, ngành sản xuất cơ khí Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là công tác quản lý trong việc kiểm soát chi phí chưa tốt, thiếu vốn đầu tư công nghệ mới, thiếu nguồn lao động có chất lượng.

3.2. Nhóm giải pháp áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên có thực hiện mô hình kế toán quản trị chi phí

3.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Căn cứ từ nhu cầu sử dụng thông tin, thực trạng vận dụng mô hình tổ chức bộ máy KTQTCP, căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, quy mô của các doanh nghiệp là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình độ kế toán của đội ngũ nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên, các doanh nghiệp cần xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí theo mô hình kết hợp.

Theo mô hình này kế toán quản trị chi phí với hệ thống kế toán tài chính trong cùng một hệ thống kế toán thống nhất của bộ máy kế toán chung và công tác kế toán chung. Kế toán ở bộ phận nào sẽ thực hiện đồng thời cả công việc của kế toán quản trị chi phí và công việc của kế toán tài chính.

Theo mô hình này kế toán trưởng chịu trách nhiệm chung về toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp từ việc tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, lưu chuyển chứng từ, vận dụng tài khoản, hệ thống báo cáo... nhằm cung thông tin cho nhà quản trị.

Các bộ phận kế toán có chức năng thu thập và cung cấp thông tin kế toán vừa tổng hợp, vừa chi tiết...đồng thời lập dự toán tổng hợp và chi tiết theo yêu cầu quản lý.

Xây dựng chứng từ kế toán: các doanh nghiệp sẽ phải xây dựng thêm các biểu mẫu ngoài các biểu mẫu chứng từ đối với hệ thống kế toán tài chính để cung cấp các thông tin đặc thù cho hệ thống kế toán quản trị chi phí.

Xây dựng tài khoản: các doanh nghiệp sẽ tiến hành mở thêm các tài khoản ngoài hệ thống

tài khoản kế toán thống nhất của hệ thống kế toán tài chính để phù hợp theo các nội dung của hệ thống kế toán quản trị chi phí.

Xây dựng sổ kế toán: các doanh nghiệp sẽ tiến hành thiết kế các mẫu sổ phù hợp theo nhu cầu thông tin kế toán quản trị chi phí.

Xây dựng báo cáo kế toán: các doanh nghiệp sẽ tiến hành xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí: báo cáo chênh lệch chi phí thực tế và dự toán, báo cáo kết quả kinh doanh theo bộ phận, các báo cáo đánh giá dự án.

Chẳng hạn, đối với kế toán thực hiện phần hành kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, theo mô hình kết hợp này, các nhiệm vụ của KTTC và KTQT sẽ do một kế toán đảm nhiệm, cụ thể:

KTTC: Thực hiện tập hợp phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo chi phí sản xuất, báo cáo giá thành sản phẩm thực hiện.

KTQT: Thực hiện lập dự toán sản xuất và phân tích đánh giá biến động của chi phí sản xuất.

3.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí

(i) Hoàn thiện phân loại chi phí

Các DNSXCK nên bổ sung phân loại chi phí sản xuất theo mức độ hoạt động vì Theo cách phân loại này, Chi phí được chia thành 3 loại: Biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

Biến phí là những khoản mục chi phí có quan hệ tỉ lệ thuận với mức biến động về mức độ hoạt động.

Định phí là những khoản chi phí không biến đổi khi mức độ hoạt động thay đổi. Định phí không có nghĩa là không thay đổi mà chỉ là không khả biến. Định phí chỉ giữ nguyên trong phạm vi phù hợp của doanh nghiệp.

Định phí bao gồm các khoản chi phí như: khấu hao thiết bị sản xuất, chi phí quảng cáo, tiền lương của bộ phận quản lý phục vụ...

Chi phí hỗn hợp: Là những khoản chi phí bao gồm cả biến phí và định phí như: Chi phí điện nước, chi phí dịch vụ mua ngoài.

Chẳng hạn, tại Công ty cổ phần cơ khí 3-2 cần tiến hành phân loại theo mức độ hoạt động của chi phí theo bảng sau:

Bảng 3.1: Phân loại chi phí theo mức độ hoạt động của chi phí

(ĐVT: Đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Biến phí	1.835.052.958
1	Chi phí vật liệu trực tiếp	1.323.912.500
2	Chi phí nhân công trực tiếp	444.649.283
3	Chi phí sản xuất chung	26.973.263
4	Biến phí bán hàng	17.724.946
5	Biến phí quản lý doanh nghiệp	21.792.966
II	Định phí	204.754.837
1	Định phí sản xuất chung	69.754.675

2	Định phí chi phí bán hàng	46.084.859
3	Định phí chi phí quản lý doanh nghiệp	88.915.303
III	Chi phí hỗn hợp	114.200.342
	Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	114.200.342
	CỘNG	2.154.008.138

(Nguồn: Tính toán của Tác giả)

Mặt khác, Tại Công ty tồn tại nhiều chi phí hỗn hợp do đó, Công ty cần tiến hành tách chi phí hỗn hợp thành biến phí và định phí bằng cách sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất. Cụ thể như sau:

Bảng 3.2: Chi phí điện thấp sáng phân xưởng 1

Tháng	Số giờ máy sản xuất (h)	Chi phí điện (đồng)
1	1512	3.535.552
2	1344	3.415.142
3	1716	3.572.265
4	1763	3.580.521
5	1865	3.748.921
6	1563	3.530.448

Sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất để tiến hành tách chi phí điện cụ thể như sau:

Bảng 3.3: Phương pháp bình phương nhỏ nhất để tiến hành tách chi phí điện

Tháng	Số giờ máy sản xuất	Chi phí điện	XY	X ²
1	1.512	3.535.552	5.345.754.624	2.286.144
2	1.344	3.415.142	4.589.950.848	1.806.336
3	1.716	3.572.265	6.130.006.740	2.944.656
4	1.763	3.580.521	6.312.458.523	3.108.169
5	1.865	3.748.921	6.991.737.665	3.478.225
6	1.563	3.530.448	5.518.090.224	2.442.969
Cộng	9.763	21.382.849	34.887.998.624	16.066.499

Để áp dụng được phương pháp tính giá thành thích hợp, các doanh nghiệp sản xuất cơ khí cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp và yêu cầu của nhà quản lý về tính giá thành sản phẩm để lựa chọn phương pháp tính giá thành hợp lý vào đơn vị mình.

Theo nhóm nghiên cứu các doanh nghiệp sản xuất cơ khí có thể lựa chọn một trong hai phương pháp sau:

(ii) Hoàn thiện xây dựng định mức và lập dự toán chi phí

Định mức là cơ sở để lập dự toán và phân tích chi phí chênh lệch. Việc xây dựng định mức vô cùng quan trọng trong lập kế hoạch sản xuất và dự toán chi phí. Lập kế hoạch sản xuất và kiểm soát chi phí chỉ có ý nghĩa khi được xây dựng trên định mức đúng đắn và phù hợp. Các định mức cần xây dựng bao gồm: định mức chi phí vật liệu chính, định mức chi phí vật liệu phụ, định mức nhiên liệu, định mức nhân công, định mức khấu hao TSCĐ, định mức khấu hao CCDC,... cho từng sản phẩm, từng khâu công việc; Các định mức cần xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn định mức do Bộ công thương, Bộ Công Nghiệp qui định. Đồng thời phải có sự tham gia của các bên liên quan như Giám đốc, phòng kỹ thuật, phòng kế toán, quản đốc phân xưởng, tổ trưởng tổ sản xuất, thợ bậc cao, ... Khi xây dựng định mức phải xây dựng cả về số lượng và giá cả. Để phù hợp cho đặc thù các DNSXCK tỉnh Thái Nguyên đối với các DNSXCK qui mô lớn và vừa có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh cần xây dựng định mức chi phí cho từng sản phẩm theo từng hoạt động. Đối với DNSXCK qui mô nhỏ nên xây dựng định mức chi phí cho từng sản phẩm.

Đối với việc XD dự toán để phù hợp cho nhu cầu sử dụng thông tin nên xây dựng dự toán theo từng hoạt động đối với DNSXCK qui mô lớn và vừa có nhiều hoạt động; đối với DNSXCK qui mô nhỏ nên lập dự toán theo từng đơn hàng.

*(iii) Hoàn thiện phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm**(a) Theo phương pháp truyền thống gồm có các phương pháp sau*

- *Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc*

Phương pháp này thường áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất cơ khí theo đơn đặt hàng của từng khách hàng. Thường áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất cơ khí có quy trình khép kín.

Sản phẩm cơ khí thường có đặc điểm như: Sản phẩm đã được đặt hàng của khách hàng, sản phẩm sản xuất đã có yêu cầu kỹ thuật cụ thể thông qua bản thiết kế; sản phẩm mang tính đơn chiếc, thường có giá trị cao.

Tập hợp chi phí theo phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc được tập hợp bởi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Trong đó:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Căn cứ vào phiếu xuất kho hoặc các chứng từ mua trực tiếp của người bán khi vật liệu sử dụng trực tiếp không qua nhập kho.

Chi phí nhân công trực tiếp: Căn cứ vào bảng chấm công của công nhân hoặc phiếu giao nhận sản phẩm, hợp đồng giao khoán công việc.

Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến phân xưởng từ lúc sản xuất đến khi phân xưởng kết thúc quá trình sản xuất. Chi phí sản xuất chung là chi phí hỗn hợp. Chi phí sản xuất chung cần tiến hành phân bổ theo tiêu thức hợp lý để tính giá thành sản phẩm. Phân bổ chi phí sản xuất chung được xác định:

$$\begin{aligned} \text{Mức phân bổ ước tính cho} &= \text{Hệ số phân bổ chi phí} \times \text{Mức độ hoạt động ước tính} \\ \text{từng công việc} & \text{ sản xuất chung} & \text{ chung của từng công việc} \\ \text{Hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung} &= \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung ước tính}}{\text{Tổng mức hoạt động chung ước tính}} \end{aligned}$$

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được tập hợp vào phiếu chi phí công việc hoặc đơn đặt hàng. Đây là cơ sở để doanh nghiệp tính tổng giá thành và các dịch vụ hoàn thành trong kỳ.

- *Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo quá trình sản xuất*

Phương pháp này thường được vận dụng trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí theo quy trình công nghệ sản xuất liên tục qua nhiều bước chế biến.

Quá trình sản xuất cơ khí ở các doanh nghiệp thường được tổ chức theo hai quy trình công nghệ: Quy trình sản xuất liên tục và quy trình sản xuất song song.

Tập hợp chi phí theo phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm cơ khí là theo quá trình sản xuất theo từng phân xưởng. Đối tượng tính giá thành là thành phẩm cuối cùng hoặc nửa thành phẩm ở từng công đoạn.

- b. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo phương pháp hiện đại*

Là phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm dựa trên hoạt động (Activity-Based Costing-ABC)

Phương pháp ABC sắp xếp các hoạt động liên quan đến sản xuất sản phẩm một cách khoa học và chặt chẽ. Phương pháp này giúp nhà quản trị doanh nghiệp nhận biết được rõ ràng hoạt động phát sinh chi phí trong đó hoạt động nào làm phát sinh chi phí nhưng không tạo ra giá trị, hoạt động nào làm phát sinh chi phí tạo ra giá trị từ đó là cơ sở cung cấp thông tin hữu hiệu cho nhà quản trị đơn vị.

Nội dung phương pháp ABC: Tập hợp toàn bộ chi phí gián tiếp trong quá trình sản xuất vào từng hoạt động. Sau đó tiến hành phân bổ các chi phí theo hoạt động vào từng sản phẩm, dịch vụ theo các tiêu thức thích hợp.

Khoản chi phí gián tiếp này được phân bổ vào giá thành sản xuất cùng với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

Các bước thực hiện của mô hình ABC:

Bước 1. Nhận diện các chi phí trực tiếp.

Chi phí trực tiếp trong các đơn vị sản xuất thường bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công của công nhân trực tiếp được tập hợp thẳng vào đối tượng chịu chi phí để tính giá thành sản xuất sản phẩm.

Bước 2. Nhận diện các hoạt động.

Tập hợp chi phí theo các nguồn gốc phát sinh. Sau đó, lựa chọn tiêu thức khoa học phân bổ chi phí vào các đối tượng tính giá thành.

Bước 3. Chọn tiêu thức phân bổ chi phí của các hoạt động.

Sau khi các chi phí gián tiếp được tập hợp cho từng hoạt động, sẽ tiến hành phân bổ cho các đối tượng tính giá theo các tiêu thức khoa học. Các tiêu thức phân bổ cần cần xác điều tra thực tế các khoản chi phí của từng hoạt động, để đảm bảo tiêu thức phân bổ mang đại diện, phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam và dễ tính toán.

Bước 4. Tính toán mức phân bổ. [2, Tr109]

Dựa trên chi phí của từng nhóm hoạt động, kế toán quản trị chọn các tiêu thức khoa học phân bổ cho từng sản phẩm, dịch vụ. Nếu hoạt động chỉ liên quan đến một loại sản phẩm thì kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí đó cho đối tượng tính giá thành. Nếu hoạt động liên quan tới 2 loại sản phẩm trở lên thì phải tính toán hệ số phân bổ, sau đó xác định mức phân bổ chi phí của từng hoạt động cho từng loại sản phẩm cụ thể.

Để nghiên cứu bản chất của từng yếu tố chi phí trong mỗi hoạt động, kế toán quản trị cũng

dựa vào các trung tâm chi phí. Nghiên cứu các chi phí tại mỗi trung tâm chi phí, sau đó chi phí tại mỗi trung tâm sẽ được phân bổ cho mỗi hoạt động có quan hệ trực tiếp với hoạt động.

Trong từng loại hoạt động cần xác định tiêu chuẩn đo lường sự thay đổi của mức sử dụng chi phí. Các tiêu chuẩn này được xem là tiêu chuẩn phân bổ chi phí cho mỗi loại sản phẩm, dịch vụ hay các đối tượng chịu chi phí. Các tiêu chuẩn thường sử dụng để phân bổ là: Số giờ lao động trực tiếp của công nhân, tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất, số đơn vị vận chuyển...

Các hoạt động có cùng tiêu chuẩn phân bổ phải được tập hợp tiếp tục vào một trung tâm phân nhóm. Tuỳ theo tính chất kỹ thuật của sản phẩm, dịch vụ hay đối tượng chịu chi phí để tiếp tục phân thành các nhóm nhỏ để tính giá thành.

Mô hình ABC làm thay đổi căn cứ để phân bổ các chi phí chung cho các sản phẩm. Phương pháp ABC có thể biến một chi phí gián tiếp thành một chi phí trực tiếp với một đối tượng tạo lập chi phí xác định.

c. Phương pháp chi phí mục tiêu (Target - Costing)

Phương pháp chi phí mục tiêu sẽ giúp nhà quản trị doanh nghiệp sản xuất cơ khí dự đoán được mục tiêu lợi nhuận đã xác định trong suốt chu kỳ sống của sản phẩm.

Phương pháp chi phí mục tiêu nhấn mạnh mục tiêu cần phải đạt được và thời gian phân tích là chu kỳ sống của sản phẩm. Trong đó, chu kỳ sống của sản phẩm được thể hiện qua các hoạt động nghiên cứu, triển khai sản phẩm mới; hoạt động sản xuất sản phẩm đại trà; hoạt động hậu cần phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chu kỳ sống thường được chia thành ba giai đoạn là: Giai đoạn nghiên cứu phát triển sản phẩm; giai đoạn sản xuất; giai đoạn suy thoái.

* Giai đoạn nghiên cứu phát triển: Trong giai đoạn này, chi phí phát sinh nhiều nhất là chi phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm sau đó đến chi phí sản xuất thử nghiệm và chi phí marketing.

* Giai đoạn sản xuất: Giai đoạn này chủ yếu là chi phí sản xuất sản phẩm do giai đoạn này sản phẩm cơ khí đã được ổn định. Và một số chi phí liên quan đến tiêu thụ, tiếp thị sản phẩm cơ khí.

* Giai đoạn suy thoái: Giai đoạn này nhà quản trị có phương án cắt giảm chi phí hợp lý bởi đây là giai đoạn chuẩn bị đóng lại chu kỳ sống của một sản phẩm.

Chi phí mục tiêu được tiến hành song song với các bước của quy trình chế tạo sản phẩm cơ khí. Ở giai đoạn nghiên cứu thị trường, nhà quản trị xác định giá bán dự kiến của sản phẩm. Từ đó, nhà quản trị xác định được lợi nhuận mục tiêu trên cơ sở giá bán dự kiến và xác định giá trần có thể chấp nhận được.

Giai đoạn tiếp theo, nhà quản trị ước tính chi phí sản xuất theo các điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Sau khi xác lập được chi phí mục tiêu, các định mức chi phí được xây dựng để kiểm soát chi phí. Phương pháp xác định chi phí mục tiêu bao gồm các giai đoạn sau: [2, Tr104]

Giai đoạn 1: Xác định chi phí mục tiêu theo các bộ phận sản phẩm sản xuất. Cơ sở để xác định chi phí cho các bộ phận này phải dựa vào mức độ quan trọng khác nhau về vai trò của các bộ phận đối với sản phẩm. Từ đó xác định tỷ lệ chi phí của từng bộ phận trong tổng chi phí cấu thành sản phẩm.

Giai đoạn 2: Tổ chức thực hiện các mục tiêu chi phí đã xác định. Quá trình thực hiện chi phí sản xuất cần phải phát hiện những thành phần của sản phẩm có chi phí quá cao so với tầm quan trọng đã xác định ở giai đoạn trước. Từ đó điều chỉnh, quản lý chặt chẽ để hạ thấp chi phí sản xuất. Bên cạnh đó giai đoạn này cũng cần phát hiện các sản phẩm có chi phí quá thấp so với tầm quan trọng của

nó. Việc sản xuất các thành phần này cũng phải được điều chỉnh cho phù hợp với tầm quan trọng của nó có trong sản phẩm sản xuất.

Giai đoạn 3: Đánh giá kết quả, nếu chi phí sản xuất đã đạt đến chi phí trần, cần phải dừng lại các hoạt động ở giai đoạn 2 vì sản phẩm sản xuất không mang lại lợi nhuận. Nếu chi phí sản xuất chưa đạt đến chi phí trần nhưng đạt đến chi phí mục tiêu: Cần xem xét lại giai đoạn 1 và 2, phải xem xét giai đoạn thiết kế đã hợp lý chưa hoặc xem lại các bước trong giai đoạn sản xuất để giảm chi phí sản xuất.

(iv) Hoàn thiện phân tích và xử lý thông tin chi phí cho nhà quản trị ra quyết định

Bên cạnh nội dung đã thực hiện phân tích ở chương 1, kết hợp với nghiên cứu thực nghiệm ở chương 2 thông qua khảo sát 85 DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, nhóm nghiên cứu cho rằng việc phân tích và xử lý thông tin chi phí cho nhà quản trị ra quyết định cần hoàn thiện như sau:

(1) Phân tích thông tin thích hợp

Để có thể cung cấp thông tin thích hợp cho nhà quản trị trong việc ra quyết định, thông tin từ sổ chi tiết và báo cáo quản trị chi phí cần được trình bày dưới dạng phân tích thông tin chênh lệch như sau:

Bảng 3.4: Bảng phân tích chi phí sản xuất đối với hàng cơ khí

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực tế	Chênh lệch
1	CPNVL TT	586.135.200	616.211.146	30.075.946
2	CPNCTT	516.215.352	445.332.757	(70.882.595)
3	CPSXC	72.325.500	75.477.754	67.945.254
	Tổng cộng	1.174.676.052	1.137.021.657	27.138.605

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

Kết quả phân tích cho thấy chênh lệch dương cho thấy chi phí thực tế cao hơn dự toán và ngược lại. Tuy nhiên, để phục vụ quản lý kết quả âm hay dương đều phải tìm rõ nguyên nhân và tìm cách xử lý.

(2) Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng và lợi nhuận

Đây là công cụ hữu ích giúp các nhà quản trị đưa ra quyết định lựa chọn phương án với lợi nhuận tối ưu. Căn cứ vào các nguồn lực hiện có mà doanh nghiệp lựa chọn các yếu tố đầu vào như thế nào để tối ưu được lợi nhuận kỳ vọng cho trước. Căn cứ vào kết quả phân tích bộ phận tư vấn sẽ đưa ra những cảnh báo về những thay đổi của lãi thuần khi các yếu tố giá cả, vật liệu, tiến độ thi công phương án thi công có sự biến động. Căn cứ vào khối lượng, đơn giá bán có thể lập được báo cáo thu nhập cho từng đơn hàng như sau:

Bảng 3.5: Báo cáo thu nhập theo số dư đảm phí của sản phẩm X

STT	Chỉ tiêu	Phương án 1	Phương án 2
1	Doanh thu	2.500.000.000	3.000.000.000
2	Biến phí	1.835.052.958	1.835.052.958
3	Số dư đảm phí (1) -(2)	664.947.042	1.164.947.042
4	Định phí	204.754.837	204.754.837

5	Lãi thuần (4) - (3)	460.192.205	960.192.205
---	---------------------	-------------	-------------

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu kế toán công ty cổ phần 3 -2

Khi doanh thu thay đổi thì lãi thuần sẽ thay đổi, Nếu doanh thu không thay đổi muốn giữ nguyên được lãi thuần cần áp dụng các biện pháp giảm biến phí của doanh nghiệp. Việc phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng và Lợi nhuận giúp các nhà quản trị lựa chọn phương án ký kết hợp đồng hoặc thực hiện đơn hàng hay kế hoạch sản xuất tối ưu nhất.

3.3. Nhóm giải pháp áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất cơ khí tỉnh Thái Nguyên chưa thực hiện mô hình kế toán quản trị chi phí

Căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng thông tin kế toán quản trị tại bảng 2.13 cho thấy hiện nay, nhu cầu sử dụng thông tin kế toán quản trị phục vụ cho quản trị chi phí sản xuất tại các DNSXCK rất cao ĐTB đạt 4,43, hơn nữa qui mô các DNSXCK trên địa bàn chủ yếu là DN nhỏ và vừa nên việc xây dựng mô hình KTQTCP là cần thiết đối với nhà quản trị trong các DNSXCK.

*Về tổ chức bộ máy: các DNSXCK nên bố trí theo mô hình KTQTCP kết hợp như sơ đồ 3.1

* Về tổ chức sản xuất thông tin: Tuy điều kiện chi phí và tùy theo qui mô của doanh nghiệp mà các nên thực hiện một số khâu công việc cơ bản của KTQTCP chứ không nhất thiết phải thực hiện toàn bộ các khâu công việc, cụ thể như sau:

(1) *Đối với DNSXCK qui mô vừa:* nên thực hiện tất cả các khâu công việc như sau: phân loại chi phí, xây dựng dự toán, Xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm, kiểm soát chi phí, kế toán trách nhiệm, đánh giá hiệu quả và lập báo cáo kế toán quản trị

(2) *Đối với DNSXCK qui mô nhỏ:* phân loại chi phí, xây dựng dự toán, Xác định chi phí và tính giá và lập báo cáo kế toán quản trị

3.4. Kiến nghị đối với các cơ quan chức năng liên quan đến việc triển khai ứng dụng mô hình

3.4.1 Đối với Bộ Tài chính

Bộ tài chính là cơ quan quản lý nhà nước về kế toán cao nhất cần ban hành các chính sách chế độ kế toán để tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, giúp cho bộ phận kế toán quản trị chi phí của doanh nghiệp có cơ sở phân tích đánh giá và đưa ra thông tin tư vấn phù hợp và hiệu quả. Hiện nay các văn bản pháp lý về kế toán quản trị mới chỉ dừng ở Luật kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20/11/2015 bằng việc đưa ra khái niệm kế toán quản trị và mới chỉ có thông tư số 53/2016/TT - BTC hướng dẫn chế độ kế toán quản trị cho các DN. Nội dung của thông tư số 53 hướng dẫn chi tiết hóa cho kế toán tài chính hơn là hướng dẫn thực hiện kế toán quản trị. Do đó để công tác KTQT trong DN nói chung và DNSXCK nói riêng phát huy được vai trò cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị thì BTC cần tiếp tục có văn bản hướng dẫn nhằm giúp các DN xây dựng mô hình KTQT phù hợp, hữu ích cho hoạt động của DN. BTC không nên giàng buộc và can thiệp quá sâu vào các nghiệp vụ kỹ thuật KTQT vì thông tin của KTQTCP mang tính chất nội bộ. Đồng thời, BTC cần có những phương pháp tuyên truyền và hướng dẫn cụ thể hơn để phân định rõ phạm vi, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị và kế toán tài chính.

3.4.2.Đối với hội kế toán Việt Nam

Việc xây dựng và vận hành KTQTCP trong các DNSXCK là một cơ hội để nâng cao vị thế của tổ chức hội. Do đó, Hội Kế toán Việt Nam cần tạo điều kiện hỗ trợ các DNSXCK thực hiện KTQTCP. Hội có thể tổ chức các khóa tập huấn cho các Lãnh đạo doanh nghiệp nhận thức được vai trò cung cấp thông tin của KTQTCP, để họ thay đổi nhận thức, cách làm việc và ra quyết định theo kinh nghiệm, cảm tính. Tổ chức các khóa tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho kế toán nâng

cao nghiệp vụ chuyên môn KTQTCP trong các DNSXCK. Tiến tới tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ KTQTCP cho các nhân viên kế toán hành nghề và cung cấp nguồn lực chất lượng cao này cho các DNSXCK. Hội Kế toán Việt Nam có thể đưa ra một số mô hình KTQTCP điển hình áp dụng cho các DN đặc thù thông các buổi hội thảo nghề nghiệp. Những hoạt động đó sẽ giúp các DNSXCK sẽ giúp nâng cao nhận thức của DNSXCK về vai trò và tác dụng của mô hình KTQTCP cũng như trong việc định hướng xây dựng và hoàn thiện mô hình KTQTCP trong DNSXCK

KẾT LUẬN

Nghiên cứu mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tạo ra một công cụ quản trị mới cho các nhà quản trị. Mô hình kế toán kế toán quản trị chi phí được áp dụng góp phần nâng cao vị trí cạnh của các DNSXCK trên thị trường. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đề cập đến những vấn đề sau:

Thứ nhất: Hệ thống hóa các lý luận về mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSX. Nghiên cứu khái niệm, bản chất của mô hình kế toán quản trị chi phí, Nguyên tắc và nội dung, quy trình xây dựng mô hình mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSX

Thứ hai: Đề tài đã nghiên cứu thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thông qua khảo sát 59 DN trên địa bàn tỉnh. Qua đó đánh giá thực trạng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các DNSXCK, tìm ra hạn chế và nguyên nhân. Qua đó đề xuất 03 giải pháp góp phần hoàn thiện các mô hình kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các DNSXCK trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thứ ba: Về tính ứng dụng Xây dựng và hoàn thiện mô hình kế toán quản trị trong các DNSXCK là vấn đề mới mẻ khá phức tạp trong quá trình nghiên cứu phát sinh nhiều khó khăn cả về vấn đề lý luận và thực tiễn nên đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm nghiên cứu rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các nhà nghiên cứu để đề tài được hoàn thiện hơn